

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 2828 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của
Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; các Nghị định của Chính phủ: số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu; Nghị định số 97/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2854/TTr-SNV ngày 26/5/2025 và của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ tại Tờ trình số 567/TTr-CTSN-TCHC ngày 16/4/2025 về việc đề nghị ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ gồm 10 Chương, 48 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ; Thủ trưởng đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

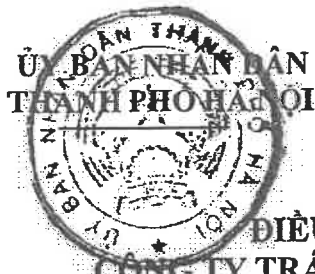
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền;
- VPUB: PCVP Đ.Q.Hùng, N.M.Quân,
KT, NC, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2828/QĐ-UBND
ngày 05/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ (sau đây gọi tắt là Công ty) thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Cơ quan đại diện chủ sở hữu” là từ gọi tắt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

b) “Đơn vị trực thuộc” là các phòng chuyên môn, các Xí nghiệp Thủy lợi, Chi nhánh nằm trong cơ cấu tổ chức Công ty;

c) “Luật Doanh nghiệp” là Luật số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

3. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên Công ty, trụ sở và đơn vị phụ thuộc Công ty

1. Tên đầy đủ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

- Tên viết tắt: Công ty Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ

2. Trụ sở chính: Tầng 4, 5 toà nhà Newhouse, khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02433.546247; 02433.540990

- Email: congtytlsongnhue@gmail.com

3. Các đơn vị trực thuộc

3.1. Các Phòng chức năng thuộc Công ty

- Phòng Tổ chức - Hành chính

- Phòng Tài chính kế toán

- Phòng Quản lý nước và Công trình

- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

3.2. Các Xí nghiệp Thủy lợi trực thuộc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi:

3.2.1. Xí nghiệp Thủy lợi Hồng Vân

Trụ sở: Xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0433.759731 Fax: 0433.759731

3.2.2 Xí nghiệp Thủy lợi Phú Xuyên

Trụ sở: Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0433.854246 Fax: 0433.855033

3.2.3. Xí nghiệp Thủy lợi Ứng Hoà

Trụ sở: Thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04333.882252 Fax: 0433.882868

3.2.4. Xí nghiệp Thủy lợi Thanh Trì

Trụ sở: Thôn Lạc Thị, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Điện Thoại: 0243.36811502.

3.2.5. Xí nghiệp Thủy lợi Liên Mạc

Trụ sở: Thôn Tân Phong, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.389282.

3.2.6. Xí nghiệp Thủy lợi Hà Đông

Trụ sở: Thôn Đồng Nhân, xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.3540890.

3.2.7. Xí nghiệp Thủy lợi Nhật Tựu

Trụ sở: Thôn Tam Giáp, xã Duy Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Điện thoại: 022.63835077.

3.2.8. Xí nghiệp Thủy lợi Từ Liêm

Trụ sở: Số 11, đường Tân Nhuệ, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.22186429.

3.2.9. Xí nghiệp Tư vấn xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Trụ sở: Tầng 3 – Tòa nhà New House, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, căn cứ vào các quy định của Nhà nước và Thành phố, tùy theo nhu cầu phát triển, Công ty có thể thành lập thêm, sáp nhập, đổi tên các đơn vị trong Công ty hoặc tiếp nhận các đơn vị khác ngoài Công ty.

Điều 3. Hình thức và tư cách pháp nhân

1. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ được thành lập theo Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 04/7/2008 của UBND tỉnh Hà Tây; Quyết định số 2125/QĐ-UBND ngày 13/5/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi Công ty thủy lợi Sông Nhuệ thành Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ. Công ty hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của công ty.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1.1. Tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và dân sinh trong hệ thống thủy lợi được giao.

1.2. Bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn của Nhà nước có hiệu quả trên cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đăng ký và theo quy định của Nhà nước, tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp pháp cho người lao động, hoàn thành các nhiệm vụ do Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty giao.

1.3. Phát triển thêm các hoạt động kinh doanh tổng hợp có liên quan đến hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi để phát huy hiệu quả nguồn lực được nhà nước giao quản lý, sử dụng.

1.4. Đảm bảo việc làm cho người lao động và lợi ích của Công ty theo quy định của pháp luật.

1.5. Hoàn thành các nhiệm vụ khác được Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty giao.

2. Ngành, nghề kinh doanh

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế	0161 (Chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Chi tiết: Sản xuất nước sạch nông thôn.	1104
3	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Gia công cơ khí.	
4	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa thiết bị thiết bị thủy lợi	3312
5	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa thiết bị cơ điện	3314
6	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
7	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
8	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn	4229
10	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
12	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
15	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch, du lịch sinh thái	7912

* Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.

3. Phạm vi hoạt động: Công ty hoạt động trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp Quốc tế.

Điều 5. Mức vốn điều lệ

1. Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ của Công ty là: 2.155.000.000.000 đồng (Hai ngàn một trăm năm mươi lăm tỷ đồng)

2. Điều chỉnh vốn Điều lệ

2.1. Vốn Điều lệ của Công ty có thể thay đổi, điều chỉnh theo quy định hiện hành.

2.2. Khi được điều chỉnh vốn Điều lệ, Công ty phải đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn Điều lệ đã điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty: UBND thành phố Hà Nội;

- Địa chỉ: Số 79, phố Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ là Chủ tịch công ty.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty

1. Quyền của Công ty đối với vốn và tài sản

1.1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của công ty để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty.

1.2. Được quyền quyết định đối với vốn và tài sản của công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

1.3. Sử dụng và quản lý tài sản Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật.

1.4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty không điều chuyển vốn nhà nước đầu tư tại công ty và vốn, tài sản của công ty theo phương thức không thanh toán.

1.5. Có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của công ty theo quy định của pháp luật.

1.6. Thực hiện các quyền khác của Công ty đối với vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Quyền của Công ty về kinh doanh

2.1. Tự chủ trong việc tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và bảo đảm kinh doanh có hiệu quả.

2.2. Kinh doanh những ngành, nghề được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận và theo quy định của pháp luật; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước.

2.3. Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước, ngoài nước; tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng.

2.4. Tự quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá thì theo mức giá hoặc khung giá do Nhà nước quy định.

2.5. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; sử dụng vốn, tài sản của Công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác trong nước; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ Công ty khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2.6. Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty sau khi đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty phê duyệt chủ trương.

2.7. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước, nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2.8. Áp dụng định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

2.9. Tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động.

2.10. Quyết định cử cán bộ công nhân viên của công ty đi công tác nước ngoài theo quy định của Nhà nước và Thành phố.

2.11. Có các quyền kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quyền của Công ty về tài chính

3.1. Huy động vốn để kinh doanh dưới các hình thức như vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; vay của các tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp, của người lao động; phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu Công ty.

3.3. Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của công ty; được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật.

3.4. Được quyết định chi phí tiền lương và các chi phí khác trên cơ sở doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

3.5. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

3.6. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh; phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước mà doanh thu không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của Công ty.

3.7. Được chi thường sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí theo quy định của pháp luật.

3.8. Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật.

3.9. Được từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

3.10. Thực hiện các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nghĩa vụ của Công ty về vốn và tài sản

1.1. Bảo toàn và phát triển vốn Cơ quan đại diện chủ sở hữu đầu tư tại công ty và vốn công ty tự huy động; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

1.2. Đánh giá lại tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật.

1.3. Thực hiện các nghĩa vụ khác của công ty về vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Công ty trong kinh doanh

2.1. Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ do công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

2.2. Đổi mới, hiện đại hoá công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

2.3. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, bảo đảm quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động quy định tại Mục 4, Chương IV của Điều lệ này.

2.4. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hoá, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

2.5. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

2.6. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty uỷ quyền; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2.7. Chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty về việc sử dụng vốn để đầu tư thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

2.8. Sử dụng tổng nguồn vốn đầu tư vào các hoạt động trong các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty. Tổng mức đầu tư ra ngoài Công ty (bao gồm đầu tư ngắn hạn và dài hạn) không vượt quá vốn điều lệ của Công ty.

2.9. Công ty không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, Công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán trừ những trường hợp đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2.10. Công ty phải xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng tài sản để xác định rõ trách nhiệm của từng khâu trong công tác quản lý; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty; thực hiện đầu tư tài sản cố định, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.11. Thực hiện các nghĩa vụ khác của công ty về kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Nghĩa vụ của Công ty về tài chính

3.1. Kinh doanh có lãi, bảo đảm chi tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty giao; đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào công ty khác (nếu có); quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty giao, cho thuê.

3.3. Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khác khi Nhà nước yêu cầu.

3.4. Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Công ty.

3.5. Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Công ty tham gia hoạt động công ích

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Công ty quy định tại các Điều 10, Điều

11 của Điều lệ này; khi tham gia hoạt động công ích, Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được hạch toán và bù đắp chi phí theo giá do pháp luật về đấu thầu quy định hoặc thu phí sử dụng dịch vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Được bảo đảm thời hạn cung ứng sản phẩm, dịch vụ thích hợp để thu hồi vốn đầu tư và có lãi hợp lý.

3. Cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi cho khách hàng.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty

1. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của công ty; quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản công ty phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty ở trong nước và nước ngoài.

2. Ban hành, sửa đổi và bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

3. Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty; quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác trên cơ sở đề nghị của công ty và các ngành có liên quan.

4. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, cách chức, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên công ty theo phân cấp về công tác cán bộ của Thành phố.

5. Quyết định tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Chủ tịch và Kiểm soát viên Công ty.

6. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm; kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

7. Phê duyệt chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của công ty tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; phê duyệt tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty liên kết của công ty.

8. Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán, cho thuê tài sản có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị phê duyệt trên cơ sở đề nghị của công ty và các ngành có liên quan.

9. Phê duyệt chủ trương các dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án bao gồm: dự án góp vốn liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, dự án đầu tư ra nước ngoài của công ty trên cơ sở đề nghị của công ty và các ngành có liên quan.

10. Cấp vốn để thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước vào công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư của công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của công ty sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư.

11. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của công ty.

12. Quyết định cử Chủ tịch, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng Công ty đi công tác nước ngoài theo đề nghị của công ty.

13. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

14. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của Công ty; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty; đánh giá đối với Chủ tịch, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành Công ty; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Công ty.

15. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty

1. Tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty; giám sát, kiểm tra, đánh giá các

khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty, trường hợp phát hiện công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Cơ quan đại diện chủ sở hữu yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục; khi công ty lâm vào tình trạng phá sản, Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

3. Tuân theo các quy định của pháp luật và thực hiện đúng thẩm quyền khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình; tuân thủ pháp luật trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê giữa Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty.

4. Đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của Công ty; không trực tiếp can thiệp vào hoạt động kinh doanh của Công ty, các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch, Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty được quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn tối đa (ba mươi) 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Công ty theo những nội dung được quy định của pháp luật và Điều lệ này, Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty phải quyết định bằng văn bản phê duyệt hoặc trả lời Công ty.

6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn Điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác. Trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

7. Không được rút lợi nhuận của Công ty khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV **TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY**

Điều 15. Mô hình tổ chức, quản lý và điều hành của công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của công ty bao gồm:

- 1.1. Chủ tịch Công ty.
- 1.2. Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).
- 1.3 Tổng Giám đốc.
- 1.4. Các Phó Tổng Giám đốc.
- 1.5. Kế toán trưởng.
- 1.6. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

1.7. Các đơn vị trực thuộc Công ty.

2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức các phòng, ban, đơn vị sản xuất kinh doanh của Công ty có thể thay đổi, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở các quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Mục 1 CHỦ TỊCH CÔNG TY

Điều 16. Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm;

2. Chủ tịch Công ty có thể kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty mình, nhưng không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp khác;

3. Chủ tịch Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện cơ quan đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

4. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

5. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

6. Quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh Chủ tịch Công ty bao gồm cả trường hợp Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc.

7. Quyết định của Chủ tịch Công ty có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong quyết định, trừ trường hợp phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

8. Trường hợp Chủ tịch công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty và được sự chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch công ty

1. Nhận vốn, tài sản, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Cơ quan

đại diện chủ sở hữu công ty giao hoặc đầu tư cho Công ty; chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty về việc quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; sử dụng đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật và quy định; chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch được giao.

2. Đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty: Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích hợp pháp khác đối với Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty; cử người tham gia quản lý phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác.

3. Căn cứ vào chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty, quyết định mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn của Công ty và giải pháp phát triển thị trường tiếp thị và công nghệ trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty.

4. Phê duyệt kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm của Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty; thực hiện công khai báo cáo tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Tổ chức xây dựng, chỉ đạo thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm và hàng năm của Công ty sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

6. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

7. Ban hành và giám sát thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, nhãn hiệu hàng hoá, giá thành sản phẩm và dịch vụ. Quyết định kế hoạch sử dụng lao động, đơn giá tiền lương, thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, hệ thống tiền lương theo vị trí công việc, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của Công ty.

8. Đề cử Cơ quan đại diện Chủ sở hữu cử Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng Công ty đi công tác nước ngoài.

9. Chủ tịch Công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Chủ tịch Công ty có thể phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định phương án huy động vốn theo quy định tại điều lệ hoặc quy chế tài chính của doanh nghiệp;

10. Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp, Chủ tịch Công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài

chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Chủ tịch Công ty có thể phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định theo quy định tại điều lệ hoặc quy chế tài chính của doanh nghiệp.

Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch Công ty báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

11. Chủ tịch Công ty quyết định từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Chủ tịch công ty có thể phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định các dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định tại điều lệ hoặc quy chế tài chính của doanh nghiệp.

12. Đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định: điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty theo quy định của pháp luật.

13. Quyết định thành lập mới, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán độc lập hoặc phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương. Quyết định biên chế các phòng chuyên môn, đơn vị phụ thuộc Công ty, phương án tổ chức kinh doanh; quy định các quy chế quản lý nội bộ của Công ty (quy chế làm việc của Công ty, quy chế tuyển dụng, đào tạo, sử dụng lao động; quy chế năng lương, nâng bậc nghề; quy chế trả lương, quy chế thưởng; quy chế kiểm tra, giám sát nội bộ; quy chế quản lý tài chính nội bộ; quy chế dân chủ ở doanh nghiệp; nội quy lao động. . .) theo quy định của pháp luật trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty.

14. Quyết định việc tuyển chọn để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc Công ty; đối với cấp Phó các phòng, ban, đơn vị và tương đương có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc. Quyết định cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác (trừ trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc. Quyết định việc tuyển dụng, sắp xếp lao động hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký quyết định tuyển dụng lao động.

15. Kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán

trường, Trưởng phòng công ty và Trưởng các đơn vị phụ thuộc trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

16. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định.

17. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

18. Báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty về kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đề xuất, kiến nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty xem xét, giải quyết các vấn đề quan trọng khác của Công ty.

19. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tổ chức của Công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án tổng duyệt.

20. Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.

21. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

22. Phê duyệt thanh toán, duyệt chi theo quy định hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty.

23. Phê duyệt danh mục công trình trình cấp Thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

24. Quyết định chỉ định thầu tư vấn thiết kế và thi công các công trình.

25. Chủ tịch Công ty chủ trì các cuộc họp giao ban điều hành công tác phục vụ sản xuất của công ty; chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty xem xét sửa đổi, bổ sung theo quy định.

26. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

27. Báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định các vấn đề được quy định tại Điều 13 của Điều lệ này.

Điều 18. Nghĩa vụ của Chủ tịch công ty

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty,

làm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Chủ tịch Công ty có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà Chủ tịch Công ty và người có liên quan (theo quy định của pháp luật) của Chủ tịch Công ty làm chủ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Tiêu chuẩn và điều kiện của Chủ tịch công ty

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về tiêu chuẩn cán bộ quản lý doanh nghiệp.

Điều 20. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch Công ty

1. Bổ nhiệm

1.1. Chủ tịch Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm.

1.2. Chủ tịch Công ty được xem xét, bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty giao.

2. Miễn nhiệm

Chủ tịch Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

2.1. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;

2.2. Quyết định vượt quá thẩm quyền được quy định trong Điều lệ này và vi phạm các quy định của Nhà nước dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đối với hoạt động của Công ty;

2.3. Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

3. Xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật

Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định việc xử lý vi phạm và các hình thức kỷ luật theo quy định.

Điều 21. Quyền lợi của Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Mục 2 BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Cơ cấu và chức năng của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát do Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty quyết định

thành lập có từ 01 đến 03 Kiểm soát viên, trong đó có 01 Kiểm soát viên chuyên trách. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó hoạt động theo chế độ chuyên trách đồng thời làm nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại theo quy định của pháp luật, nhưng không quá hai nhiệm kỳ.

2. Ban kiểm soát là bộ phận trong cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty, giúp Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty, trong việc chấp hành pháp luật, điều lệ và các quyết định của Công ty.

Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 24. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau đây

1.1. Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty.

1.2. Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty.

1.3. Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty.

1.4. Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty.

1.5. Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan.

1.6. Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan.

1.7. Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn của Công ty.

1.8. Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7 khoản này cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

1.9. Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ này.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban kiểm soát do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và chi trả.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Quyền của Ban kiểm soát

1.1. Tham gia các cuộc họp, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của Cơ quan đại diện chủ sở hữu với Ban Giám đốc Công ty; chất vấn Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành Công ty.

1.2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Chủ tịch, Tổng giám đốc công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty.

1.3. Yêu cầu Chủ tịch, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

1.4. Yêu cầu người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

1.5. Đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

2.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

2.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, Công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty.

2.3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2.4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

2.5. Báo cáo kịp thời cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng thời yêu cầu Kiểm soát viên chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện Kiểm soát viên đó vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao.

2.6. Báo cáo kịp thời cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty, Kiểm soát

viên khác và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

- Phát hiện Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

- Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ Công ty.

2.7. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

3. Ban kiểm soát họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát.

4. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 27. Miễn nhiệm, thay thế Kiểm soát viên

1. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này.

1.2. Có đơn xin từ chức và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;

1.3. Được Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác.

2. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị cách chức trong những trường hợp sau đây:

2.1. Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

2.2. Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 (một) năm;

2.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Mục 3

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 28. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc do Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Chủ tịch công ty.

2. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm.

3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định sau:

3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.

3.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty; Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; Kiểm soát viên Công ty.

3.4. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp Nhà nước khác.

3.5. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

3.6. Tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Nhà nước, Thành phố về tiêu chuẩn cán bộ quản lý doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền sau:

4.1. Tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty;

4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Chủ tịch công ty và của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty;

4.3. Là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ Công ty và các quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty, Chủ tịch Công ty;

4.4. Xây dựng chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn và hằng năm của công ty báo cáo Chủ tịch Công ty để trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty phê duyệt; Xây dựng đề án tổ chức quản lý, quy chế quản lý nội bộ, chức năng nhiệm vụ của bộ máy giúp việc của Công ty;

4.5. Xây dựng và trình Chủ tịch công ty xem xét quyết định hoặc chấp thuận phương án huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và các nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết

định của Chủ tịch Công ty;

4.6. Duyệt thanh toán, duyệt chi khi được Chủ tịch Công ty ủy quyền

4.7. Quyết định điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, đối với cấp phó đơn vị trực thuộc Công ty và người lao động trong Công ty sau khi báo cáo và được Chủ tịch Công ty ủy quyền;

4.8. Tổ chức việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ Công ty;

4.9. Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ sau khi được Chủ tịch Công ty thông qua chủ trương;

4.10. Ký kết các hợp đồng dân sự, thương mại của công ty theo phân cấp của Chủ tịch Công ty;

4.11. Quyết định việc tuyển dụng, sắp xếp lao động sau khi được Chủ tịch Công ty chấp thuận bằng văn bản;

4.12. Báo cáo Chủ tịch công ty định kỳ hàng quý, hàng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;

4.13. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Chủ tịch công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty;

4.14. Tổng Giám đốc Công ty đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu cử Chủ tịch Công ty đi công tác nước ngoài.

4.15. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Tổng Giám đốc có các nghĩa vụ sau:

5.1. Tuân thủ pháp luật; Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty; nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

5.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty;

5.3. Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

5.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà Tổng giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc của Công ty;

5.5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty thực hiện các hành

vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty;

5.6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty xem xét và quyết định miễn nhiệm, thay thế Tổng giám đốc theo đề nghị của Chủ tịch công ty trong những trường hợp sau đây:

6.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ này.

6.2. Có đơn xin nghỉ việc.

7. Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty xem xét và quyết định cách chức Tổng Giám đốc theo đề nghị của Chủ tịch Công ty trong các trường hợp sau đây:

7.1. Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật;

7.2. Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hàng năm;

7.3. Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của công ty;

7.4. Công ty vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định của pháp luật;

7.5. Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 17 của Điều lệ này;

7.6. Các trường hợp khác theo quy định tại quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng Giám đốc (nếu có), quy định của pháp luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan.

Điều 29. Quan hệ giữa Chủ tịch Công ty và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty và Chủ tịch Công ty, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc công ty trình Chủ tịch công ty để báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty xem xét điều chỉnh lại quyết định. Chủ tịch Công ty phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp Chủ tịch Công ty không điều chỉnh lại quyết định thì Tổng Giám đốc Công ty vẫn phải thực hiện quyết định nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm, Tổng Giám đốc công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch Công ty.

Điều 30. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu với những người sau đây phải được Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty và Kiểm soát viên chấp thuận:

1.1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty và người có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty;

1.2. Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên;

1.3. Người có liên quan của người quy định tại điểm 1.2 khoản này;

1.4. Người quản lý của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó;

1.5. Người có liên quan của những người quy định tại điểm 1.4 khoản này.

2. Người nhân danh công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.

3. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có liên quan đến các bên không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

4.1. Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;

4.2. Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 31. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Tổng Giám đốc

2.1. Phó Tổng Giám đốc Công ty là người giúp Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty theo phân công của Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty. Phó Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc Công ty và pháp luật về

nhiệm vụ được phân công.

2.2. Tiêu chuẩn Phó Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

2.3. Bổ nhiệm: Phó Tổng Giám đốc Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm. Phó Tổng Giám đốc Công ty được xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ do Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty giao.

2.4. Miễn nhiệm: Phó Tổng Giám đốc Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;

- Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác, tiết lộ bí mật gây thiệt hại cho Công ty;

- Không hoàn thành nhiệm vụ tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc Công ty phân công dẫn đến công ty không hoàn thành nhiệm vụ chỉ tiêu phát triển hàng năm mà Công ty đã quyết định;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.5. Quyền lợi: Phó Tổng Giám đốc Công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

2. Kế toán trưởng

2.1. Kế toán trưởng Công ty là người giúp Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty quản lý, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn nghiệp vụ về tài chính, kế toán của công ty theo quy định của Nhà nước. Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2.2. Tiêu chuẩn: Kế toán trưởng Công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

2.3. Bổ nhiệm: Kế toán trưởng Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm. Kế toán trưởng Công ty được xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao ở nhiệm kỳ trước.

2.4. Miễn nhiệm: Kế toán trưởng Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Công ty trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;

- Quyết định vượt quá thẩm quyền được quy định trong quy chế tài chính của công ty và vi phạm các quy định của Nhà nước dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đối với hoạt động tài chính của Công ty;

- Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn để thu lợi bản thân hoặc cho người khác, tiết lộ bí mật gây thiệt hại cho Công ty. Báo cáo không trung thực tài chính công ty từ hai (02) lần trở lên hoặc một (01) lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty;

- Không hoàn thành nhiệm vụ do Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty phân công, dẫn đến công ty không hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty giao;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.5. Quyền lợi: Kế toán trưởng công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

3. Bộ máy giúp việc

2.1. Các đơn vị trực thuộc Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2. Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị trực thuộc công ty được quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Tổng giám đốc xây dựng trình Chủ tịch Công ty ký quyết định ban hành.

2.3. Trong quá trình hoạt động, tùy theo yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh Tổng Giám đốc công ty xây dựng phương án thành lập thêm một số phòng, đơn vị phụ thuộc để trình Chủ tịch Công ty quyết định.

2.4. Chi nhánh các Xí nghiệp thủy lợi hạch toán phụ thuộc Công ty.

2.5. Chi nhánh Xí nghiệp Tư vấn xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện hạch toán độc lập theo quy định của Luật Kế toán, Luật quản lý thuế và các quy định khác của pháp luật.

Chi nhánh có quyền tự chủ kinh doanh, tự chủ tài chính, có quy chế hoạt động được Công ty phê duyệt, có mã số thuế, con dấu và tài khoản riêng; đăng ký sử dụng hoá đơn riêng; thực hiện nghiệp vụ kế toán của đơn vị theo quy định; hằng năm phải thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính với Công ty; việc cấp vốn kinh doanh của Công ty cho chi nhánh (nếu có) phải thực hiện theo quy định bảo toàn vốn, tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp.

Mục 4**NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY****Điều 32. Hình thức tham gia quản lý của người lao động**

Người lao động tham gia quản lý công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị Người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Hình thức tham gia quản lý Công ty và nghĩa vụ của người lao động

1. Thông qua Hội nghị người lao động và tổ chức Công đoàn, người lao động có quyền thảo luận các vấn đề sau:

1.1. Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thoả ước lao động tập thể, quy chế trả lương, trả thưởng; bầu người đại diện tập thể người lao động để thương lượng và ký kết thoả ước lao động tập thể với Chủ tịch Công ty.

1.2. Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch khác của công ty có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động phù hợp các quy định của pháp luật.

1.3. Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân công ty.

1.4. Bầu Thanh tra nhân dân công ty.

2. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý khi công ty quyết định hoặc đề xuất Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty quyết định các vấn đề sau:

2.1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại lao động Công ty;

2.2. Các nội quy, quy chế của công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật; quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động, xử lý kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất;

2.3. Các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ;

2.4. Các vấn đề khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động, của Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty và theo quy định của pháp luật.

3. Tham gia các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của người lao động

4.1. Người lao động phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động, hợp đồng trách nhiệm đã ký với Chủ tịch Công ty; thực hiện nội quy lao động, thoả

ước lao động tập thể và các quy định khác có liên quan đến lao động, được Hội nghị người lao động Công ty thông qua.

4.2. Người lao động phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao.

4.3. Chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, của Thành phố và phương án, tổ chức lại sản xuất kinh doanh, phương án sắp xếp lại lao động của Tổng công ty.

4.4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động và các quy định hợp pháp của Tổng công ty.

Chương V QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Điều 34. Quản lý tài chính của Công ty

Quản lý tài chính của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty phê duyệt theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương VI TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 35. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức tổ chức lại công ty bao gồm: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Việc tổ chức lại công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

Điều 36. Chuyển đổi Công ty

1. Công ty được chuyển đổi sở hữu theo các hình thức sau đây:

- a) Cổ phần hóa;
- b) Bán toàn bộ Công ty;
- c) Bán một phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty để chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

2. Công ty được thực hiện sắp xếp lại theo các hình thức sau đây:

- a) Hợp nhất, sáp nhập, chia tách Công ty;
- b) Giải thể, phá sản.

Điều 37. Tạm ngừng kinh doanh

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty phải được thành lập

thành văn bản.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty phù hợp quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, Công ty phải nộp đủ số thuế còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp công ty, chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác.

Điều 38. Giải thể công ty

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố quy định.

Điều 39. Phá sản công ty

Thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

**Chương VII
SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 40. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ công ty

1. Định kỳ hàng năm Chủ tịch công ty có trách nhiệm báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty và các cơ quan Nhà nước liên quan những báo cáo, tài liệu được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp đột xuất Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty có quyền ban hành văn bản yêu cầu Chủ tịch công ty cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị và báo cáo để Chủ tịch Công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Công ty.

4. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

5. Người lao động trong Công ty có quyền tìm hiểu thông tin về Công ty thông qua Hội nghị người lao động và Ban Thanh tra nhân dân của Công ty.

6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Chương VIII
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN**

Điều 41. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch Công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.

3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 42. Báo cáo và thông tin cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty

Chủ tịch Công ty lập và gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty những tài liệu sau đây:

1. Báo cáo giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp định kỳ và hằng năm.

2. Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có).

3. Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 43. Công khai thông tin

1. Chủ tịch Công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài của công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Chủ tịch Công ty hoặc người được ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, Chủ tịch Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Chủ tịch Công ty có quyền kiến nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.



Điều 45. Quản lý con dấu của công ty

1. Chủ tịch Công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ Công ty hoặc tranh chấp liên quan đến quan hệ giữa Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty và công ty, giữa Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty, bộ máy giúp việc được căn cứ theo Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

**Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 47. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

2. Điều lệ này thay thế Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 48. Phạm vi thi hành

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ công ty.

2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.